

CHÍNH PHỦ
Số: 161/1999/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 1999

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế ngày 20 tháng 8 năm 1998;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Những quy định chung

- Nghị định này quy định về trình tự và thủ tục liên quan đến việc ký kết và thực hiện điều ước quốc tế của Việt Nam.
- Các quy định của Nghị định này được áp dụng đối với:
 - Điều ước quốc tế ký kết với danh nghĩa Nhà nước;
 - Điều ước quốc tế ký kết với danh nghĩa Chính phủ;
 - Điều ước quốc tế ký kết với danh nghĩa Toà án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
 - Điều ước quốc tế ký kết với danh nghĩa Bộ, ngành.

Điều 2. Đề xuất chủ trương đàm phán và ký điều ước quốc tế

- Các cơ quan hữu quan căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, nhu cầu hợp tác quốc tế, chủ động đề xuất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chủ trương đàm phán và ký điều ước quốc tế (dưới đây gọi tắt là cơ quan đề xuất ký).
- Cơ quan đề xuất ký có trách nhiệm xây dựng dự thảo điều ước quốc tế của phía Việt Nam.

Trong trường hợp điều ước quốc tế do Bên nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế đề nghị hoặc dự thảo thì cơ quan đề xuất ký nghiên cứu dự thảo đó để tiến hành xây dựng dự thảo của phía Việt Nam.
- Trong quá trình đề xuất đàm phán và ký điều ước quốc tế, tùy theo tính chất và nội dung của vấn đề, cơ quan đề xuất ký lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành hữu quan ít nhất 15 ngày trước khi trình Chính phủ. Đối với những điều ước quốc tế có điều khoản trái hoặc chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành thì thời hạn nói trên ít nhất là 30 ngày.
- Văn bản xin ý kiến bao gồm các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và khoản 4 Điều 5 Pháp lệnh về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế (dưới đây gọi là Pháp lệnh). Đối với các điều ước quốc tế nhiều Bên, văn bản xin ý kiến bao gồm các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 12 của Pháp lệnh.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến, cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề xuất ký về ý kiến của mình đối với dự thảo điều ước quốc tế.
- Cơ quan đề xuất ký có trách nhiệm nghiên cứu ý kiến của các cơ quan hữu quan, hoàn thiện dự thảo điều ước quốc tế trình Chính phủ. Sau khi nghiên cứu ý kiến của các cơ quan hữu quan, nếu thấy dự thảo điều ước quốc tế cần được thẩm định, cơ quan đề xuất ký phải gửi dự thảo điều ước quốc tế đó cho Bộ Tư pháp để thẩm định.

Điều 3. Thẩm định dự thảo điều ước quốc tế

1. Trong trường hợp dự thảo điều ước quốc tế có điều khoản trái hoặc chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành, cơ quan đề xuất ký gửi dự thảo kèm theo các thông tin và tài liệu có liên quan đến Bộ Tư pháp để thẩm định. Trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, cơ quan đề xuất ký phải thuyết trình trực tiếp về dự thảo điều ước quốc tế.

2. Hồ sơ gửi Bộ Tư pháp để lấy ý kiến thẩm định gồm:

a) Công văn yêu cầu thẩm định, trong đó nêu rõ phương án xử lý các điều khoản trái hoặc chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành;

b) Tờ trình Chính phủ về việc đàm phán và ký điều ước quốc tế với nội dung quy định tại khoản 4 Điều 5 Pháp lệnh;

c) Dự thảo điều ước quốc tế đã hoàn thiện được cơ quan đề xuất ký trình Chính phủ xem xét và bản tổng hợp ý kiến của các cơ quan hữu quan;

d) Dự thảo tờ trình của Chính phủ trình Chủ tịch nước (nếu điều ước quốc tế ký với danh nghĩa Nhà nước).

3. Số lượng hồ sơ gửi thẩm định là 5 bộ.

Điều 4. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong việc thẩm định dự thảo điều ước quốc tế

1. Khi nhận được hồ sơ yêu cầu thẩm định điều ước quốc tế của cơ quan đề xuất ký, Bộ Tư pháp tiến hành thẩm định, bảo đảm chất lượng và thời hạn thẩm định. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập Hội đồng thẩm định điều ước quốc tế.

2. Đối với các dự thảo điều ước quốc tế do Bộ Tư pháp đề xuất ký có điều khoản trái hoặc chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành, thì thành phần của Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Tư pháp thành lập phải có sự tham gia của đại diện Bộ Ngoại giao, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành hữu quan.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu thẩm định điều ước quốc tế, Bộ Tư pháp tiến hành thẩm định và gửi kết quả thẩm định bằng văn bản đến cơ quan đề xuất ký, Bộ Ngoại giao và Văn phòng Chính phủ.

Đối với điều ước quốc tế cần thẩm định mà cơ quan đề xuất ký là Bộ Tư pháp, thì trong tờ trình Chính phủ, Bộ Tư pháp phải gửi kèm theo ý kiến của Hội đồng thẩm định cùng với dự thảo điều ước quốc tế.

Điều 5. Nội dung thẩm định dự thảo điều ước quốc tế

Bộ Tư pháp thẩm định tính hợp hiến, sự phù hợp và tính thống nhất của dự thảo điều ước quốc tế với các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành và trình bày rõ ý kiến về kiến nghị của cơ quan đề xuất ký đối với phương án xử lý điều khoản trái hoặc chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Điều 6. Thủ tục trình việc đàm phán và ký điều ước quốc tế

1. Cơ quan đề xuất ký trình hồ sơ đề xuất đàm phán và ký điều ước quốc tế lên Chính phủ. Hồ sơ đề xuất đàm phán và ký điều ước quốc tế gồm:

a) Tờ trình với các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 5 Pháp lệnh, trong đó cần trình bày rõ ý kiến khác nhau (nếu có) giữa cơ quan đề xuất ký và các cơ quan hữu quan, đồng thời đề xuất phương án xử lý. Đối với điều ước quốc tế liên quan đến nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cần phải tuân thủ những quy định trong các Nghị định tương ứng của Chính phủ;

b) Dự thảo điều ước quốc tế đã hoàn thiện (nếu cần, kèm theo cả các phương án khác nhau để xử lý) được cơ quan đề xuất ký trình Chính phủ xem xét và bản tổng hợp ý kiến của các cơ quan hữu quan;

c) Dự thảo tờ trình của Chính phủ trình Chủ tịch nước (nếu điều ước quốc tế ký với danh nghĩa Nhà nước).

2. Trong trường hợp dự thảo điều ước quốc tế có điều khoản trái hoặc chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành, sau khi xem xét ý kiến của Bộ Tư pháp, Chính phủ sẽ quyết định việc trình dự thảo điều ước quốc tế đó để Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét.

Điều 7. Ủy quyền đàm phán và ký điều ước quốc tế

1. Việc tiến hành đàm phán và ký điều ước quốc tế phải được sự uỷ quyền của Chủ tịch nước (đối với điều ước quốc tế ký kết với danh nghĩa Nhà nước), của Chính phủ (đối với điều ước quốc tế ký kết với danh nghĩa Chính phủ) hoặc Thủ trưởng Bộ, ngành (đối với những điều ước quốc tế ký kết với danh nghĩa Bộ, ngành).

2. Người được uỷ quyền ký điều ước quốc tế với danh nghĩa Nhà nước hoặc Chính phủ phải là lãnh đạo Bộ, ngành. Trong trường hợp đặc biệt, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sẽ quyết định cấp bậc của người được uỷ quyền ký trên cơ sở ý kiến của Bộ Ngoại giao. Người ký điều ước quốc tế với danh nghĩa Bộ, ngành do Thủ trưởng Bộ, ngành uỷ quyền.

Trường hợp điều ước quốc tế được ký ở nước ngoài mà Việt Nam không có điều kiện cử người đi ký thì sau khi thoả thuận với Bộ Ngoại giao, cơ quan đề xuất ký kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền uỷ quyền cho người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao hoặc phái đoàn đại diện của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bên cạnh các tổ chức quốc tế ký.

3. Căn cứ vào quyết định bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép đàm phán và ký điều ước quốc tế, Bộ Ngoại giao làm thủ tục cấp giấy uỷ quyền của Chủ tịch nước và của Thủ tướng Chính phủ; làm thủ tục uỷ quyền của Chính phủ.

Trong trường hợp quyết định uỷ quyền chưa quy định rõ, trừ những trường hợp đột xuất, năm (05) ngày trước khi đàm phán và ký điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất ký có trách nhiệm thông báo cho Bộ Ngoại giao về họ tên, chức vụ người được uỷ quyền đàm phán, ký và tên đầy đủ bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài của điều ước quốc tế.

4. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ký xác nhận uỷ quyền của Chủ tịch nước, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ khi đàm phán, ký điều ước quốc tế với danh nghĩa Nhà nước và Chính phủ. Trường hợp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao vắng mặt, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao được uỷ nhiệm ký thay.

Trong trường hợp giấy uỷ quyền nhất thiết phải do Chủ tịch nước hoặc Thủ tướng Chính phủ ký, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm chuẩn bị giấy uỷ quyền để Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ ký.

5. Giấy uỷ quyền ký các điều ước quốc tế với danh nghĩa Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ, ngành do Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Thủ trưởng các Bộ, ngành cấp.

Khi có yêu cầu, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm hướng dẫn cơ quan đề xuất ký về thủ tục cấp giấy uỷ quyền của Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và các Bộ, ngành, khi đàm phán và ký điều ước quốc tế với danh nghĩa Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ, ngành.

Điều 8. Ký điều ước quốc tế

1. Dự thảo điều ước quốc tế hai Bên đã được các Bên nhất trí cần được ký tắt trước khi ký chính thức, trừ khi các Bên có thoả thuận khác.

2. Trước khi ký tắt hoặc ký chính thức, cơ quan đề xuất ký có trách nhiệm rà soát kỹ và đối chiếu văn bản tiếng Việt với văn bản tiếng nước ngoài. Các văn bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài phải thống nhất về nội dung và hình thức.

3. Tất cả các điều ước quốc tế ký với danh nghĩa Nhà nước và Chính phủ đều phải gắn xi và đóng dấu nổi của Bộ Ngoại giao khi ký ở trong nước; đóng dấu nổi của các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam khi ký ở nước ngoài, trừ trường hợp thủ tục ký của nước sở tại hoặc tổ chức quốc tế có quy định khác.

Cơ quan đề xuất ký liên hệ với Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài làm thủ tục gắn xi, đóng dấu.

4. Cơ quan đề xuất ký có trách nhiệm tổ chức lễ ký. Lễ ký được tổ chức trang trọng, trên bàn ký cắm quốc kỳ Việt Nam và quốc kỳ của Bên nước ngoài hoặc cờ của tổ chức quốc tế hữu quan.

5. Trường hợp đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, nhưng không tổ chức được việc đàm phán và ký điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất ký phải báo cáo kịp thời với Chính phủ và thông báo cho Bộ Ngoại giao biết.

6. Trong vòng 07 ngày sau khi điều ước quốc tế song phương được ký, cơ quan đề xuất ký có trách nhiệm nộp bản gốc điều ước quốc tế cho Bộ Ngoại giao.

Trường hợp người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao hoặc phái đoàn đại diện thường trực của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bên cạnh các tổ chức quốc tế ký điều ước quốc tế thì người ký có trách nhiệm báo cáo và gửi bản gốc điều